TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2020/DS-PT
Ngày: 21-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 467/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Vũ Tuấn A, thuộc Công ty Luật S – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số H, Phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mộng D, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Luật sư Đặng Thị Bích P, Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: đường H, Phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Mộng D - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Lê Thị Huỳnh T trình bày:* Trước đây, bà T có cho bà Phạm Thị Mộng D vay nhiều lần với tổng số tiền là 1.360.000.000đ, cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/7/2019 âl (nhằm ngày 19/8/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 2: Ngày 17/9/2019 âl (nhằm ngày 17/10/2019 dl) vay số tiền 40.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 05 ngày.

Lần 3: Ngày 28/9/2019 âl (nhằm ngày 26/10/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 4: Ngày 19/10/2019 âl (nhằm ngày 15/11/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng.

Lần 5: Ngày 21/10/2019 âl (nhằm ngày 17/11/2019 dl) vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 6: Ngày 27/10/2019 âl (nhằm ngày 23/11/2019 dl) vay số liền 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 7: Ngày 28/10/2019 âl (nhằm ngày 24/11/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 8: Ngày 15/11/2019 âl (nhằm ngày 10/12/2019 dl) vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 tuần.

Lần 9: Ngày 19/11/2019 âl (nhằm ngày 14/12/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 10: Ngày 13/12/2019 âl (nhằm ngày 07/01/2020 dl) vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Lần 11: Ngày 23/12/2019 âl (nhằm ngày 17/01/2020 dl) vay số tiền 130.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Lần 12: Ngày 26/12/2019 âl (nhằm ngày 20/01/2020 dl) vay số tiền 140.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Lần 13: Ngày 08/01/2020 âl (nhằm ngày 01/02/2020 dl) vay số tiền 150.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Lần 14: Ngày 10/01/2020 âl (nhằm ngày 03/02/2020 dl) vay số tiền 170.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Lần 15: Ngày 16/02/2020 âl (nhằm ngày 09/3/2020 dl) vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Lần 16: Ngày 23/02/2020 âl (nhằm ngày 16/3/2020 dl) vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 2%/tháng.

Việc vay tiền có làm biên nhận, các biên nhận đều do bà D tự viết và ký tên. Ngày 13/6/2020 âl, bà D có trả cho bà T được 59.400.000đ tiền lãi, đến nay bà D vẫn chưa trả nợ gốc và lãi còn lại cho bà T như đã thỏa thuận.

Theo thỏa thuận, hai bên có thỏa thuận lãi suất từ 2%/tháng đến 3%/tháng, nay bà T đồng ý giảm lãi cho tất cả các lần vay như trên với mức lãi suất là 1,67%/tháng kể từ ngày vay tạm tính đến ngày 05/7/2020, tổng cộng số tiền lãi tạm tính là 166.605.000đ.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính lãi của các khoản vay từ ngày vay đến ngày 30/9/2020 với mức lãi suất 1,66%/tháng. Riêng khoản vay 100.000.000đ ngày 13/12/2019 âl (nhằm ngày 07/01/2020 dl), trong biên nhận không thể hiện mức lãi suất, nên yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày khởi kiện 05/7/2020 đến ngày 30/9/2020. Tổng số tiền lãi bà D phải đóng là 194.126.000đ, khấu trừ số tiền lãi bà D đã đóng là 59.400.000đ, như vậy bà D còn phải trả số tiền lãi là 134.726.000đ. Do đó, bà T yêu cầu bà D phải trả tổng số tiền vay gốc và lãi là 1.494.726.000đ

- Chị Đặng Thị Bích P (đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Mộng D) trình bày:

Ngày 27/8/2020, sau khi Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà D có nộp đơn yêu cầu phản tố đề ngày 24/8/2020 với nội dung là bà D thừa nhận vào năm 2019, bà D có vay tiền của bà T nhiều lần với tổng số tiền là

1.360.000.000đ, mức lãi suất thể hiện trong các biên nhận từ 2%/tháng đến 3%/tháng nhưng thực tế là 9%/tháng, bà D có đóng lãi đầy đủ cho bà T với mức lãi suất 9%/tháng. Tuy nhiên, đến tháng 5/2020 thì bà D không còn khả năng đóng lãi nữa, do mức lãi suất quá cao nên ngưng đóng lãi cho đến nay. Đồng thời, trong các khoản vay mà bà T yêu cầu thì bà D đã trả được 400.000.000đ tiền vay gốc, bao gồm các lần như sau:

Lần 1 vào ngày 30/12/2019, bà D đã trả tổng cộng 340.000.000đ, gồm khoản vay ngày 26/12/2019 âl với số tiền là 140.000.000đ, khoản vay ngày 27/10/2019 âl với số tiền là 100.000.000đ, khoản vay ngày 28/9/2019 âl với số tiền là 50.000.000đ và khoản vay ngày 28/10/2019 âl với số tiền là 50.000.000đ.

Lần 2 vào ngày 01/3/2020, bà D trả 30.000.000đ đối với khoản vay ngày 19/9/2019 âl.

Lần 3 vào ngày 15/5/2020, bà D đã trả được 30.000.000đ đối với khoản vay ngày 16/02/2020 âl.

Tuy nhiên, sau khi bà D đã trả tiền vay gốc xong nhưng bà T không trả lại biên nhận và tiếp tục tính lãi đối với số tiền vay gốc mà bà D đã trả. Cụ thể, từ ngày 30/12/2019 đến tháng 5/2020, bà T đã nhận của bà D số tiền lãi là 161.100.000đ bao gồm các khoản vay ngày 26/12/2019 âl, ngày 27/10/2019 âl, ngày 28/9/2019 âl và ngày 28/10/2019 âl. Do đó, bà D không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Bà D chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 960.000.000đ (đã trừ 400.000.000đ mà bà D đã trả), đồng thời bà D yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã đóng là 161.100.000đ.

Tại phiên tòa, chị P là người đại diện theo ủy quyền của bà D xác định đơn yêu cầu phản tố đề ngày 24/8/2020 của bà D là ý kiến phản bác của phía bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây không phải là yêu cầu phản tố của bà D. Nay bà D chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền vay gốc còn lại sau khi đã khấu trừ số tiền bà D đã trả và đồng ý trả tiền lãi từ khi vay đến nay theo mức lãi suất là 1,66%/tháng. Đối với tiền lãi bà D đã đóng cho tất cả các khoản vay tính đến tháng 5/2020, với mức lãi suất là 9%/tháng, bà D yêu cầu điều chỉnh lãi suất xuống còn 1,66%/tháng, sau khi trừ đi số tiền lãi bà D phải đóng, số tiền chênh lệch bà D yêu cầu trừ vào tiền vay gốc.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh T.

Buộc bà Phạm Thị Mộng D phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Huỳnh T số tiền vay tổng cộng là 1.360.000.000đ và tiền lãi là 134.726.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 1.494.726.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 201 5.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Mộng D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.841.780đ.

Bà Lê Thị Huỳnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền 28.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án án số 3994 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/10/2020, bà Phạm Thị Mộng D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Lê Thị Huỳnh T vẫn giữ nguyên việc khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết của vụ án và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị Mộng D vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu xem xét chấp nhận các khoản tiền bà D đã trả vốn và trả lãi để khấu trừ khi điều chỉnh lãi theo quy định.

Luật sư Đặng Thị Bích P trình bày: Quan hệ giữa bà D và bà T chỉ quen biết nhau, nhưng bà T cho vay với số tiền trên 1 tỷ đồng mà không đóng lãi thì không thể cho vay nhiều lần. Bà D đã trả vốn vay cho bà T 400.000.000đ, gồm

ngày 30/12/2019 số tiền 340.000.000đ , ngày 01/3/2020 số tiền 50.000.000đ, ngày 15/5/2020 số tiền 50.000.000đ, tuy nhiên khi trả tiền xong thì bà T không trả lại biên nhận mà tiếp tục thu lãi 161.000.000đ. Bà T cho rằng, số tiền trả ngày 30/12/2019 là trả cho số tiền vay ngày 28/11/2019 âl là không phù hợp, vì biên nhận này có viết chữ "R" nhằm chứng minh là đã thanh toán xong, còn biên nhận ngày 30/12/2019 là trả cho các khoản vay ngày 28/9/2019 âl, 26/12/2019 âl, 27/10/2019 âl và 28/10/2019 âl. Như vậy 02 biên nhận hoàn toàn khác nhau, chứng tỏ trả cho các khoản vay khác nhau. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, sửa bản án sơ thẩm.

Luật sư Vũ Tuấn A trình bày: Bà D có đơn yêu cầu phản tố với nội dung đã trả tiền vốn cho bà T tổng cộng là 04 khoản. Việc bà D cho rằng, đã thanh toán xong vốn vay nhưng bà vẫn còn tiếp tục phải trả lãi của 04 khoản tiền vay này là không phù hợp. Hai bên thỏa thuận việc vay tiền đều có biên nhận chứng minh giao nhận tiền vay, tiền lãi rõ ràng trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đối với những vấn đề bà D giải thích là không phù hợp và bà T không thừa nhận. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Bà Lê Thị Huỳnh T có cho bà D vay nhiều lần, tổng số tiền vốn vay là 1.360.000.000đ, tất cả các lần vay đều có biên nhận ghi nhận số tiền vay. Trong các biên nhận nợ của bà D đều có nội dung thỏa thuận lãi suất từ 2% đến 3%/tháng, bà T khởi kiện yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng đối với các khoản vay là phù hợp. Đối với biên nhận ngày 13/12/2019 âl không thể hiện lãi suất, bà T yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, bà D thừa nhận có vay bà T số tiền vốn là l.360.000.000đ, nhưng bà D cho rằng đã trả được tiền vốn vay tổng cộng là 400.000.000đ thể hiện qua các biên nhận ngày 30/12/2019 âl, 01/3/2020 âl, 15/5/2020 âl, thấy rằng:

Đối với biên nhận ngày 30/12/2019 âl, thể hiện bà T nhận số tiền 340.000.000đ (BL43). Tuy nhiên khoản tiền này là trả vốn và lãi cho biên nhận ngày 28/11/2019 âl, chính chị P là đại diện theo ủy quyền của bà D đã thừa nhận biên nhận này không nằm trong các khoản vay mà bà T yêu cầu (BL146). Đối với biên nhận này thì có 300.000.000đ là vốn và 29.700.000đ là lãi vay của khoản vay ngày 28/11/2019 âl. Số tiền 10.300.000đ còn lại, bà T trình bày là tiền mà chị "*Dung đã vay trước đó nhưng không nhớ khoản vay nào*", bà D cũng không chứng minh được 10.300.000đ này nằm trong số tiền mà bà T yêu cầu.

Đối với 02 biên nhận ngày 01/3/2020 âl và 15/5/2020 âl cùng số tiền là 30.000.000đ thì bị đơn thừa nhận biên nhận 01/3/2020 âl không nằm trong các khoản vay mà bà T yêu cầu (BL146). Còn biên nhận ngày 15/5/2020 âl không thể hiện trả cho khoản vay nào.

Xét thấy, bà D không có chứng cứ chứng minh khoản tiền đã trả nằm trong phạm vi các khoản nợ có tranh chấp, bà T cũng không xác nhận đối với số tiền trên là tiền bà D trả nợ cho các khoản vay theo yêu cầu khởi kiện. Do đó không có căn cứ chấp nhận.

Bà D cho rằng, thực tế đối với các khoản vay của bà T thì bà D phải đóng lãi 9%/tháng, chứ không phải 2-3%/tháng như biên nhận nên chị yêu cầu cấn trừ khoản lãi suất vượt quá mà chị đã đóng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D không yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết đối với phần yêu cầu này trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nên chấp nhận, đình chỉ xem xét phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện đối với bà D yêu cầu trả tiền vay, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về tranh hợp đồng vay tài sản là đúng quy định. Bà D làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, thủ tục phù hợp nên xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Bà D kháng cáo cho rằng, bà có vay tiền của bà T nhưng quá trình thực hiện hợp đồng bà đã thanh toán tiền vốn vay là 400.000.000đ. Việc thanh toán được thể hiện tại biên nhận do bà T lập ngày 30/12/2019, 01/3/2020, 15/5/2020 và theo các biên nhận này thể hiện mức lãi suất là 9%/tháng. Nhận thấy, bà D xác định đã có trả một phần tiền vốn trong số tiền mà bà T đang tranh chấp là không có cơ sở, cụ thể như sau:

Đối với biên nhận đề ngày 30/12/2019, bà T viết biên nhận đã nhận tiền ngày 30 tết, với số tiền 340.000.000đ, biên nhận giao cho bà D giữ nhưng bà D viết thêm vào biên nhận (phần giấy còn lại phía dưới nội dung bà T đã viết) để tự xác định 340.000.000đ trả cho các biên nhận vay ngày 28/9/2019 âl số tiền 50.000.000đ, ngày 26/12/2019 âl số tiền 140.000.000đ, ngày 27/10/2019 số tiền 100.000.000đ, ngày 28/10/2019 số tiền 50.000.000đ. Mục đích để chứng minh là bà D đã trả vốn vay 04 khoản tiền mà Tòa án đang giải quyết, nhưng bà T không thừa nhận trình bày của bà D và không có căn cứ chứng minh phần viết thêm có bà T chứng kiến. Việc này bà T xác định, số tiền 340.000.000đ là trả cho khoản tiền vay ngày 28/11/2019 âl, vì bà D viết giấy giao lại cho bà T giữ và đã xác định rõ đối với số tiền 340.000.000đ, trong đó có trả vốn lãi vay ngày 28/11/2019 âl. Cụ thể nội dung giấy do bà D viết: "30/12 (30 tết) đưa 340.000.000đ (trả vốn 300 đóng lãi các dây: 300tr 28/11/2019 âl => 30/12 âl = 33 ngày x 900 = 29.700)" và bà T cung cấp kèm theo biên nhận ngày 28/11/2019 âl có ghi chữ R (chữ R là đã trả rồi). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T là có căn cứ.

Đối với biên nhận ngày 01/3/2020, bà T viết biên nhận đã nhận 30.000.000đ và biên nhận giao cho bà D giữ, nhưng bà D cũng viết thêm vào biên nhận (phần giấy còn lại phía dưới nội dung bà T đã viết) để tự xác định trả vốn cho biên nhận vay ngày 17/9/2019 âl (thực tế phần viết thêm này lại ghi ngày 17/9/2020) mà Tòa án đang giải quyết. Tuy nhiên, theo biên nhận ngày 17/9/2019 âl số tiền vay là 40.000.000đ, đồng thời biên nhận ngày 01/3/2020 hoàn toàn không thể hiện trả nợ cho khoản vay nào, bà T không có chứng kiến ghi thêm và không thừa nhận trình bày của bà D, nên không có cơ sở để chấp nhận việc khấu trừ nợ theo yêu cầu kháng cáo.

Đối với biên nhận ngày 15/5/2020 âl, bà T viết biên nhận đã nhận số tiền 30.000.000đ và bà D cũng thực hiện việc ghi thêm nhằm chứng minh tương tự như trên, để yêu cầu khấu trừ vốn gốc cho biên nhận vay ngày 16/02/2020 âl

(do không lấy lại bản chính biên nhận khi trả tiền). Qua xem xét nội dung cho thấy, biên nhận bị sửa chữa ngày 15/5/2010 âl thành ngày 15/5/2020 âl và hoàn toàn không thể hiện trả nợ cho khoản vay nào. Trong khi đó, bà T cho rằng đây là thanh toán cho một khoản vay khác không còn nhớ, vì ngoài những khoản tiền vay đang tranh chấp thì bà D còn vay rất nhiều lần khác đã thanh toán xong. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà D về phần này là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với tiền lãi, bà D kháng cáo yêu cầu xác định mức lãi suất cho vay 9%/tháng, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã thay đổi yêu cầu và thống nhất mức lãi suất theo biên nhận và không có tranh chấp về mức lãi suất cho vay nên không xem xét. Bà D trình bày, bà đã thanh toán xong tiền vốn các khoản vay ngày 28/9/2019 âl, ngày 26/12/2019 âl, ngày 27/10/2019, ngày 28/10/2019 nhưng không trả lại biên nhận nên phải trả lãi tiếp tục là không có cơ sở. Bởi vì: Việc trả vốn gốc các khoản này là không có căn cứ như đã phân tích trên và nay không chứng minh được bị bà T ép buộc trả lãi khi đã thực hiện xong nghĩa vụ. Đồng thời, hai bên thống nhất mức lãi suất của tất cả các khoản vay theo biên nhận, nhưng bà D không chứng minh được việc đã trả lãi đầy đủ đến tháng 5 năm 2020 (không xác định được thời gian mỗi lần trả lãi và số tiền trả bao nhiêu, trả cho khoản vay nào). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng để tính lãi và chấp nhận yêu cầu của bà T khấu trừ số tiền lãi đã nhận 59.400.000đ là phù hợp quy định, cụ thể tiền lãi các khoản phải trả tiếp: 194.126.000đ – 59.400.000đ = 134.726.000đ.

[3] Xét trình bày của Luật sư Vũ Tuấn A, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét trình bày của Luật sư Đặng Thị Bích P đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D.

[5] Án phí: Bà D kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Mộng D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh T.

Buộc bà Phạm Thị Mộng D phải trả cho bà Lê Thị Huỳnh T số tiền là 1.494.726.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị Mộng D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.841.780đ.

Bà Phạm Thị Mộng D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0004218 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị Huỳnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí 28.000.000đ theo biên lai thu số 0003994 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng